

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Kho

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Trà H, sinh năm 1999;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 5, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Sĩ C, sinh năm 1995;

Địa chỉ cư trú: Thôn 5, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt do đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng - Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 07 tháng 7 năm 2020 và bản tự khai ngày 28 tháng 7 năm 2020, chị Hoàng Thị Trà H trình bày: Chị và anh Nguyễn Sĩ C kết hôn

do tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hỏi, cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K ngày 19 tháng 12 năm 2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, phong cách sống không phù hợp do anh C mãi chơi, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Từ tháng 02 năm 2020, chị mang theo con bỏ về nhà mẹ đẻ ở, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh C.

Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Sĩ M, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2018 hiện đang do tôi nuôi dưỡng. Khi ly hôn, tôi nhận nuôi cháu đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 8 năm 2020, anh C trình bày: Anh thống nhất với chị về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân và thời điểm phát sinh mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân. Từ tháng 02 năm 2020, chị H mang theo con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh đang bị tạm giam từ tháng 5 năm 2020 tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng về hành vi "Trộm cắp tài sản". Nay chị H xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Sĩ M, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2018, hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, tôi đồng ý để chị H nuôi con đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, theo lời trình bày và yêu cầu của chị H: Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại gia đình anh C, thôn 5, xã K1 và Ủy ban nhân dân xã K1 về quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và các vấn đề có liên quan khác giữa chị H và anh C; Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C không tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án được vì đang bị tạm giam tại Trại giam - Công an thành phố Hải Phòng. Tòa án đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh C đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ và có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Về việc nhận nuôi con chung, tài sản chung và công nợ chị vẫn giữ nguyên quan

điểm như đơn xin ly hôn, bản tự khai đã nộp đến Tòa án. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

1. Về tố tụng: Anh C là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa do đang bị tạm giam tại Trại giam - Công an thành phố Hải Phòng, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K ngày 19 tháng 12 năm 2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, lối sống không còn phù hợp, anh C mãi chơi, sống không có trách nhiệm với vợ con, chị H mang theo con bỏ về nhà mẹ đẻ để ở từ tháng 02 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Anh C đang bị tạm giam về hành vi "Trộm cắp tài sản" tại Trại giam - Công an thành phố Hải Phòng từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Nay chị H xin ly hôn, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Hoàng Thị Trà H được ly hôn anh Nguyễn Sĩ C.

3. Về con chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Sĩ M, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2018 hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H nhận tiếp tục nuôi con đến khi đủ 18 tuổi. Chị H làm công nhân có thu nhập ổn định, bình quân 7.800.000 đồng/tháng, có chỗ ở là nhà của mẹ đẻ, anh C đồng ý, vì hiện tại anh C đang bị giam tại Trại giam nên không thể nuôi dưỡng con. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị H

nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Sĩ C là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa do đang bị tạm giam tại Trại giam - Công an thành phố Hải Phòng, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh C là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá chung, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm. Song trong thời gian chung sống, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2019, do quan điểm sống, lối sống không còn phù hợp. Anh C mãi chơi, sống không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 02 năm 2020 chị H mang theo con bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Thực tế, từ tháng 5 năm 2020, anh C bị tạm giam về hành vi “Trộm cắp tài sản” tại Trại giam Công an thành phố Hải Phòng. Từ đó đến nay, giữa chị H và anh C không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xin ly hôn, qua xác M, thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của đương sự tại gia đình anh C, thôn 5, xã K1 và Ủy ban nhân dân xã K1 đều cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2019 đến nay ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Nên xử cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con là cháu Nguyễn Sĩ M, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2018, hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Chị H nhận nuôi cháu M cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị H có chỗ ở ổn định là nhà của mẹ đẻ, chị đang làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 7.800.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt. Anh C đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an

thành phố Hải Phòng không thể nuôi dưỡng con. Xét việc nhận nuôi con của chị H phù hợp với nguyện vọng anh C, đại diện gia đình anh C và đề nghị của chính quyền địa phương. Cần giao cháu M cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Anh chị đều không yêu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Trà H được ly hôn anh Nguyễn Sĩ C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Sĩ M, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2018 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Trà H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai ký hiệu: AA/2016, số 0008925 ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- Đương sự;
- UBND xã K1, K, HP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng